

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 542/2019/HSPT

Ngày 11/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Phúc;
- Các Thẩm phán: + Ông Thái Duy Nhiệm;
+ Ông Nguyễn Xuân Phách;
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga, Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự Thụ lý số 526/2019/TLPT-HS ngày 10/7/2019 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2019/HSST ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam;

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Xuân T, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú tại thôn ĐV, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp, chức vụ: nguyên là Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TL; trình độ văn hóa phổ thông: 10/10; con ông Nguyễn Đức D và bà Phan Thị N (đều đã chết); vợ Bùi Thị H (Bùi Thị H) và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/9/2018; có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án này còn có nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng đều không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án hình sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/5/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 607/QĐ-UBND về việc thu hồi và tạm giao 176.582m² đất tại xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam cho Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Nam để giải phóng mặt bằng phục vụ dự án xây dựng Bệnh viện cao cấp BA. Thực hiện quyết định trên, Ủy ban nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam đã xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng phục vụ dự án, trong đó có 241 hộ gia đình, cá nhân

bị thu hồi đất nông nghiệp lớn hơn hoặc bằng 30% diện tích đất nông nghiệp được giao và được hưởng đất dịch vụ 7% diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, với tổng diện tích đất dịch vụ 7% là 11.745m².

Quá trình thực hiện dự án giai đoạn năm 2009 đến năm 2013, Nguyễn Xuân T với tư cách là Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện TL, có trách nhiệm chủ trì việc giao đất thực địa, hoàn thiện hồ sơ địa chính, tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện TL ban hành quyết định cấp và ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ và chịu trách nhiệm chỉ đạo, quản lý về mặt chuyên môn đối với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện TL. Nguyễn Xuân T biết rõ, theo quy định của Luật đất đai năm 2003, Thông tư liên tịch số 30/2005/TTLT/BTC-BTNMT ngày 18/4/2005 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường, Hướng dẫn 375/HD-STN&MT ngày 25/7/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam thì Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện TL gửi số liệu địa chính đến Chi cục thuế huyện TL để xác định nghĩa vụ tài chính và thông báo cho các bên đối đất, chuyển nhượng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính trước khi giao đất thực địa và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng trong quá trình thực hiện, Nguyễn Xuân T đã không chỉ đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chuyển số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật, mà trực tiếp hoàn thiện “ký nháy” văn bản trình Ủy ban nhân dân huyện TL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ, gây thất thoát tài sản của Nhà nước, cụ thể như sau:

- Đối với bốn (04) hộ dân có đất dịch vụ 7% tại Dự án xây dựng Bệnh viện cao cấp BA và Dự án xây dựng Trạm dừng nghỉ nút giao thông của Công ty trách nhiệm hữu hạn QM xin được nhận đất tại Dự án tái định cư cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình với tổng diện tích 279,86m² với giá đất theo quy định tại Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 01/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam là 600.000đ/m² gồm các hộ sau:

1. Ông Lại Văn Ch diện tích 70,56m², phải nộp số tiền là 42.336.000 đồng.
2. Ông Lại Văn Ch2 diện tích 65,57m², phải nộp số tiền là 39.342.000 đồng.
3. Ông Lại Thế L diện tích 60m², phải nộp số tiền là 36.000.000 đồng.
4. Ông Phạm Hồng C diện tích 83,73m², phải nộp số tiền là 50.238.000 đồng.

Tổng số tiền sử dụng đất 04 hộ trên phải nộp là 167.916.000 đồng.

- Đối với bốn mươi sáu (46) hộ dân nhận chuyển nhượng có tổng diện tích là 4.688,61m² với giá đất được quy định tại Quyết định số 32/2011/QĐ-UBND ngày 29/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam. Trước khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bàn giao đất thực địa thì 46 hộ này phải thực hiện nghĩa vụ tài chính gồm: Tiền thuế chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 2% giá trị đất

mua và tiền lệ phí trước bạ là 0,5% giá trị đất mua của 46 hộ phải nộp là 119.191.773 đồng. Tổng số tiền thuế chuyển nhượng quyền sử dụng đất và lệ phí trước bạ của 46 hộ phải nộp là 119.191.773 đồng.

Ông Lê Văn S, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TL (nay là Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Hà Nam) đã ký các quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, Nguyễn Xuân T chỉ đạo giao đất thực địa và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân trên vào năm 2012 và 2013 dẫn đến không thu được nghĩa vụ tài chính, gây thất thoát tổng số tiền 287.107.773 đồng.

Năm 2015, khi vụ việc bị phát hiện Nguyễn Xuân T xây dựng phương án trình Ủy ban nhân dân huyện TL phê duyệt, thu hồi được 167.916.000 đồng là tiền sử dụng đất của 04 hộ dân đổi đất và số còn lại Nguyễn Xuân T tự nguyện nộp 119.191.773 đồng là tiền thuế chuyển nhượng quyền sử dụng đất và lệ phí trước bạ của 46 hộ dân nhận chuyển nhượng đất cho Ủy ban nhân dân huyện TL để khắc phục toàn bộ hậu quả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Xuân T cho rằng, không nhất trí về tội danh cũng như điều luật đã truy tố và xét xử đối với bị cáo. Bị cáo khẳng định, nghĩa vụ chuyển thông tin địa chính cũng như thông báo nghĩa vụ tài chính thuộc Văn phòng đăng ký đất đai huyện TL và Ủy ban nhân dân xã LT là đơn vị giao giấy chứng nhận đất thì phải thu nghĩa vụ tài chính của các hộ dân. Việc không thu nghĩa vụ tài chính của các hộ dân gây thất thoát tài sản của Nhà nước là trách nhiệm của cả tập thể, còn bị cáo với tư cách là Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, không chỉ đạo cấp dưới thực hiện nhiệm vụ gây thất thoát tài sản của Nhà nước nên bị cáo phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì bị cáo được hưởng các tình tiết được quy định tại điểm b, s, v khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Theo đó, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2019/HSST ngày 05/6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 357; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân T 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/6/2019, bị cáo Nguyễn Xuân T kháng cáo xin được giảm hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, ý kiến tranh luận của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH VỀ VỤ ÁN:

Nghiên cứu hồ sơ vụ án, kết quả quá trình điều tra, diễn biến và kết quả phiên tòa sơ thẩm và đặc biệt nghiên cứu đơn kháng cáo của bị cáo và thông qua xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm đánh giá và nhận định về vụ án như sau:

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Xuân T là Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TL đã có hành vi vượt quá quyền hạn, làm trái quy định được giao, nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ dân nhưng không chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để xác định nghĩa vụ tài chính mà hoàn thiện, “ký nháy” văn bản trình Ủy ban nhân dân huyện TL và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TL ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân gây thất thoát cho Nhà nước số tiền 287.107.773 đồng. Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Xuân T đã phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” thuộc trường hợp gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đáng lưu ý về những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đó là, vụ việc xảy ra đã quá lâu (Từ năm 2012), khi phát hiện ra sai phạm, bản thân bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục toàn bộ hậu quả; trong quá trình công tác, bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc nên đã được

Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba; có thời gian phục vụ trong quân đội, 14 năm chiến đấu tại chiến trường Biên giới phía Bắc, cho nên bị cáo được hưởng rất nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều của 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cũng phân tích, đánh giá và cho rằng mức hình phạt 05 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo trong trường hợp này là quá nghiêm khắc, cho nên đại diện cho Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm hình phạt cho bị cáo.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng cho rằng, như trên đã phân tích về hoàn cảnh phạm tội, nhân thân của bị cáo, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng tình như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm mức hình phạt so với quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa bản án sơ thẩm; cụ thể:

1. Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 357; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Áp dụng Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”;

3. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân T 30 (Ba mươi) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2018.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 1);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo (Qua trại giam);
- Lưu HS vụ án, Phòng HCTP/2b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng Phúc